

BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Số báo cáo:

25-186262-A

Phiên bản: 00

Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ:

Số 28, Ngõ 7A, Khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày phát hành báo cáo: 18-07-2025

Tham chiếu MNAQ: 25-186262

Ngày nhận mẫu: 08-07-2025

Thời gian phân tích: 08-07-2025 đến 18-07-2025

Kết quả

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Tên mẫu:

Nutricare Bone

Lab ID: 25-186262-1A

NSX/HSD: 11/06/2025-11/06/2027

No: 150625

Mô tả mẫu: Mẫu đóng hộp

Tình trạng mẫu: Chấp nhận

Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp phân tích
Béo	2.24	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Đạm (N x 6.25)	21.9	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Carbohydrate	65.0	g/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Năng lượng	368	kcal/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Kẽm (Zn)	12.6	mg/100 g	FLAB-FC-MTHD-030:2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Đồng (Cu)	236	µg/100 g	FLAB-FC-MTHD-030:2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Sắt (Fe)	2.75	mg/100 g	FLAB-FC-MTHD-030:2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Mangan (Mn)	1190	µg/100 g	FLAB-FC-MTHD-030:2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Vitamin D3	896	IU/100g	FLAB-FA-MTHD-032:2024 (Ref. AOAC 2002.05)
Mono unsaturated Fat	732	mg/100g	FLAB-FA-MTHD-033: 2024 (Ref. AOAC 996.06)
Poly unsaturated Fat	234	mg/100g	FLAB-FA-MTHD-033: 2024 (Ref. AOAC 996.06)
Vitamin C	79.3	mg/100g	FLAB-FA-MTHD-039: 2024 (Ref. AOAC 2012.22)
Vitamin A	1597	IU/100g	FLAB-FA-MTHD-037: 2024 (Ref. AOAC 992.06)
Vitamin E	9.82	IU/100g	FLAB-FA-MTHD-040: 2024 (Ref. AOAC 992.03)

Số báo cáo: 25-186262-A

Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp phân tích
Vitamin B1 (Thiamine)	910	µg/100g	FLAB-FA-MTHD-038:2024 (Ref. AOAC 2015.14;AOAC 2012.16)
Vitamin B2 (Riboflavin)	1240	µg/100g	FLAB-FA-MTHD-038:2024 (Ref. AOAC 2015.14;AOAC 2012.16)
Vitamin B3 (Nicotinamide)	9100	µg/100g	FLAB-FA-MTHD-038:2024 (Ref. AOAC 2015.14;AOAC 2012.16)
Vitamin B5 (Pantothenic acid)	3850	µg/100g	FLAB-FA-MTHD-038:2024 (Ref. AOAC 2015.14;AOAC 2012.16)
Vitamin B6 (Pyridoxine)	1310	µg/100g	FLAB-FA-MTHD-038:2024 (Ref. AOAC 2015.14;AOAC 2012.16)
Vitamin B9 (Folic acid)	64	µg/100g	FLAB-FA-MTHD-038:2024 (Ref. AOAC 2015.14;AOAC 2012.16)
Kali (K)	764	mg/100g	FLAB-FC-MTHD-030:2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Magie (Mg)	111	mg/100g	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)
Choline ⁱ	111	mg/100g	CASE.MT.0003 (2016) (Ref. IC Application Note. C-100 & Metrohm Monograph: Practical IC 2nd edition)
Arginine ⁱ	1062	mg/100g	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
Histidine ⁱ	483	mg/100g	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
Isoleucine ⁱ	902	mg/100g	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
Lysine ⁱ	1663	mg/100g	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
Phenylalanine ⁱ	948	mg/100g	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
Threonine ⁱ	777	mg/100g	CASE.SK.0183 (2020) (Tham khảo. TCVN 8764:2012)
Vitamin K1 ⁱ	17.4	µg/100g	CASE.SK.0068 (2021)

Ghi chú: Không



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỆP

Số báo cáo: 25-186262-A

Hình ảnh mẫu phân tích (nếu có)



-- Kết thúc Báo cáo --

